

Số: 81/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm: 1997; Căn cước công dân số 022197002141 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Trung H2**, sinh năm: 1998; Căn cước công dân số 022098002955 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/02/2024.

Đều có nơi thường trú: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Nguyễn Trung H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Nguyễn Trung H2 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Nguyễn Trung H2 có 02 (hai) con chung là Nguyễn Tuệ An, sinh ngày 17/9/2021 và Nguyễn Anh Tú, sinh ngày 03/7/2023. Chị H1 và anh H2 thỏa thuận: Chị H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H2 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H1 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng/02 con chung kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và khoản nợ chung:* không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* chị Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); Chị H1 tự nguyện chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con) của anh Nguyễn Trung H2, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001777 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị H1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Thị Thu H1à